

Bản án số: 50/2023/DS-ST
Ngày 14- 8 – 2023
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lự.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Chung, ông Nguyễn Tiến Chinh:

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Huân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh B Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Bình - Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Nam tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thẩm thụ lý số: 24/2023/TLST-DSTC ngày 10 tháng 3 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2023/QĐXXST- DS ngày 04 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:* Anh Phạm Văn Đ, sinh năm 1972 (có mặt)**

Địa chỉ: Thôn Dăm, xã Vũ Xá, huyện LN, tỉnh BG

***Bị đơn:* Anh Dương Văn B, sinh năm 1994 (có đơn xin vắng mặt)**

Chị Trần Thị N, sinh năm 1997 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Giáp Xá, xã Vũ Xá, huyện LN, tỉnh BG

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1974 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn Dăm, xã Vũ Xá, huyện LN, tỉnh BG

Anh Trần Văn T, 1975 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Thuần, xã Bảo Đài, Lục Nam, tỉnh B Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ghi ngày 28/02/2023 cùng các lời khai nguyên đơn anh Phạm Văn Đ trình bày: Do là người quen biết là người cùng xã nên ngày 19/10/2019 âm lịch tức ngày 12/11/2019 dương lịch vợ chồng anh đã cho anh B chị N vay tiền số tiền là 200.000.000đ mục đích anh B vay là kinh doanh phát triển kinh tế, hai bên có viết giấy vay nợ, lãi suất không ghi trong giấy vay nợ mà thỏa thuận bằng miệng 20%/năm. Thời hạn thanh toán 01 năm anh B chị N phải thanh toán cả gốc và lãi. Khi vay vợ chồng anh B chị N có mang GCNQSDĐ của ông Trần Văn T là bố đẻ chị N để làm tin nhưng không làm hợp

đồng thể chấp riêng. Đến hạn trả anh B Chị N không trả được, nên ngày 04.01.2021 anh B chị N có viết giấy hẹn nợ tổng số tiền gốc 200.000.000đ và tiền lãi phát sinh là 40.000.000đ (Khoảng tháng 01/2022 anh B đã trả vợ chồng anh 20.000.000đ tiền lãi). Nay anh đề nghị Tòa án buộc anh Dương Văn B và chị Trần Thị N trả anh số tiền gốc 200.000.000đ số tiền lãi là 20.000.000đ. Anh đồng ý trả lại GCNQSDĐ mang tên ông Trần Văn Tuyên cho anh B chị N.

Tại phiên tòa anh Đ vẫn giữ nguyên lời khai trên không bổ sung gì thêm.

Bị đơn anh Dương Văn B trình bày: Ngày 16/10/2019 âm lịch vợ chồng anh có vay của ông Đ bà T 200.000.000đ mục đích để kinh doanh, thời hạn vay và lãi suất như ông Đ trình bày là đúng. Đến ngày 04/01/2021 anh có viết giấy hẹn nợ tổng số tiền gốc 200.000.000đ và tiền lãi phát sinh là 40.000.000đ, đến khoảng tháng 11/2021 ông Đ làm đơn sang Công an huyện Lục Nam anh đã trả vợ chồng ông Đ 20.000.000đ. Nay ông Đ đòi vợ chồng anh 220.000.000đ tiền gốc và tiền lãi anh đồng ý trả nợ, nhưng do vợ chồng anh làm ăn gặp khó khăn nên anh xin được trả dần. Anh đã nhận lại giấy chứng nhận QSDĐ mang tên ông Trần Văn T anh không có ý kiến gì.

Bị đơn chị Trần Thị N trình bày: Chị là vợ của anh Dương Văn B chị nhất trí với ý kiến của anh B chị không bổ sung gì thêm. Do công việc bận chị xin vắng mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị T trình bày: Chị là vợ của anh Đ chị nhất trí với ý kiến của anh Đ chị không bổ sung gì thêm.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn T trình bày: Ông là bố vợ của anh Dương Văn B tháng 10/2019 anh B chị N có xuống nhà ông mượn GCNQSDĐ để vay số tiền của anh Phạm Văn Đ. Việc vay nợ của anh B chị N không liên quan đến ông. Ông chỉ cho mượn GCNQSDĐ chứ ông không ký vào hợp đồng thế chấp và cũng không ký vào giấy vay nợ của anh B chị N. Nay anh Đ khởi kiện đòi nợ anh B chị N phải có trách nhiệm trả nợ không liên quan gì đến ông. Việc anh B chị N mượn GCNQSDĐ của ông thì anh B chị N phải có trách nhiệm trả ông. Ông đã nhận lại GCNQSDĐ ông không có ý kiến gì thêm. Nay do sức khỏe yếu ông xin vắng mặt tại phiên tòa xét xử vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi mở phiên tòa Thẩm phán và Thư ký Tòa án tuân theo đúng trình tự tố tụng. Tại phiên Tòa. Hội đồng xét xử sơ thẩm thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về phía các đương sự nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chấp hành nghiêm chỉnh, thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình đúng các quy định của pháp luật.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ:

Căn cứ Khoản 2 Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 477, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015

Căn cứ Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 158; Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, Nghị quyết

quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn Đ.

Buộc anh Dương Văn B và chị Trần Thị N phải trả cho anh Phạm Văn Đ số tiền 220.000.000 đồng. Trong đó 200.000.000đ tiền gốc và 20.000.000đ tiền lãi

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn anh B chị N phải chịu án phí DSST theo Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Mức án phí 11.000.000 đồng.

Ngoài ra đại Đ Viện kiểm sát còn đề xuất giải quyết án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên Tòa hôm nay bị đơn anh Dương Văn B, chị Trần Thị N, người có quyền lợi liên quan có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự vẫn tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung:

Về yêu cầu trả nợ gốc và nợ lãi của của anh Phạm Văn Đ HĐXX thấy:

Tại giấy hẹn ghi ngày 04/01/2019 anh B chị N có vay số tiền 200.000.000 đồng và lãi suất các bên thống nhất là 40.000.000đ, anh Đ đã nhận được 20.000.000đ anh B đã trả. Nay anh chỉ đòi số tiền gốc 200.000.000đ tiền gốc và 20.000.000đ tiền lãi. Anh B chị N có mang 01 GCNQSDĐ mang tên ông Trần Văn Tuyển đưa cho anh Đ chị T giữ để làm tin hai bên không ký kết hợp đồng thế chấp vì GCNQSDĐ không mang tên anh B chị N. Anh Đ đã trả lại GCNQSDĐ cho anh B. Anh B đã nhận và không có đề nghị gì, về phía ông Tuyển đã nhận lại GCNQSDĐ ông cũng không có ý kiến gì. Tại phiên tòa anh Đ chị T đề nghị HĐXX buộc anh B chị N số tiền 220.000.000đ tiền gốc và lãi suất, lời khai của anh B cũng nhất trí nhưng xin trả dần vì anh gặp khó khăn trong công việc làm ăn. HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đ. Chị N anh B là vợ chồng cùng ký vào giấy vay nợ nên HĐXX buộc cả chị N và anh B có trách nhiệm trả nợ.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên anh B chị N phải chịu 11.000.000 đồng án phí DSST theo Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 271, Điều 272, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 357, Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 468, Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 157; Điều 158; Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273, điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. T xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Văn Đ.

Buộc anh Dương Văn B chị Trần Thị N trả anh Phạm Văn Đ tổng số tiền 220.000.000đ trong đó 200.000.000đ tiền gốc 20.000.000 tiền lãi.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

2. Về án phí: Anh Dương Văn B và chị Trần Thị N phải chịu 11.000.000 đồng án phí DSST.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày T án.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B Giang;
- VKSND tỉnh B Giang;
- VKSND huyện Lục Nam;
- Chi cục THADS huyện Lục Nam;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Lự

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Hoài Mơ Nguyễn Tiến Chính

Nguyễn Thị Lự

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi ... giờ... phút, ngày 19 tháng 9 năm 2022.
Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện LN, tỉnh BG
Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lự
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tiến Chính, Đỗ Thị Hoài Mơ.
Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số: 26/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2021 về “Tranh chấp HĐ vay TS”, giữa:
Nguyên đơn: Ông Phạm Hồng T, sinh năm 1960
Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Đoàn Thị Ngoan, sinh năm 1963 (có mặt)
Địa chỉ: Kim Xa, xã Cẩm Lý, huyện LN, tỉnh BG
Bị đơn: Bị đơn: Ông Trần Văn Tuấn, sinh năm 1963 (có mặt).
Bà Nguyễn Thị Nguốt, sinh năm 1965 (có mặt)
Địa chỉ: Hòa Nội, xã Khám Lạng, huyện LN, tỉnh BG
Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:**

Căn cứ khoản 2 Điều 357, Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 468, Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 157; Điều 158; Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273, điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. T xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Hồng T

Buộc ông Trần Văn Tuấn và bà Nguyễn Thị Nguốt trả ông Phạm Hồng T tổng số tiền 219.137.504đ trong đó 87.000.000đ tiền gốc 132.137.503đ tiền lãi.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả

cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

2. *Về án phí*: Ông Trần Văn Tuấn và bà Nguyễn Thị Nguýt phải chịu 10.956.000 đồng án phí DSST.

3. *Về quyền kháng cáo*: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày T án.

Kết quả biểu quyết: 3/3

Nghị án kết thúc vào hồi ... giờ ... phút, ngày 19 tháng 9 năm 2022.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Hoài Mơ Nguyễn Tiến Chính

Nguyễn Thị Lự

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Từ Minh Hải – Đỗ Thị Hoài Mơ

Đặng Công Định

